BẢN TIN CHỨNG KHOÁN

NỖ LỰC BỨT PHÁ CHƯA THÀNH CÔNG, THỊ TRƯỜNG TIẾP TỤC TRẠNG THÁI TÍCH LŨY

17/11/2026

VN-Index	**1736.89 (0.11%)**
574 Tr. cổ phiếu	11923.4 Tỷ VND (-21.56%)
HNX-Index	**254.91 (-0.03%)**
39 Tr. cổ phiếu	501.1 Tỷ VND (-29.99%)
UPCOM-Index	**121.39 (0.12%)**
25 Tr. cổ phiếu	272.4 Tỷ VND (-12.97%)
VN30F1M	**1843.00 (-0.43%)**
169,511 HD	OI: 33,063 HD

% Hiệu suất từ đầu năm 2026 của các chỉ số



NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

- **Diễn biến:** VN-Index đóng cửa phiên tại 1736.9 điểm, tăng 2.0 điểm (+0.11%). Thanh khoản giảm mạnh với độ rộng thị trường nghiêng về bên bán. VN30 giảm 0.7 điểm, HNX-Index giảm 0.1 điểm.
- **Điểm nhấn trong phiên:** Nỗ lực bứt phá chưa thành công và chỉ số thu hẹp đáng kể đà tăng trong phiên. Diễn biến cho thấy sự phân hóa rõ nét khi lực kéo chủ yếu đến từ nhóm vốn hóa lớn, dẫn đầu là họn Vin.
- Dòng tiền khởi sắc tại nhóm Bất động sản (VIC, +2.1%), Thực phẩm và đồ uống (MCH, +5.3%), Bán lẻ (DMX, +3.2%); trong khi Ngân hàng (TCB, -2.5%), Dịch vụ tài chính (TCX, -2.5%), Hàng & Dịch vụ Công nghiệp (GMD, -3.1%), chịu áp lực điều chỉnh. Về tác động, VIC, MCH, DMX, LPB đóng góp tích cực nhất cho đà tăng của chỉ số, trái lại TCB, VCB, VPB, TCX tạo sức ép giảm điểm.
- Khối ngoại mua ròng hơn 20 tỷ đồng, tập trung ở VIC, MSN, KDH, trong khi bán ròng ở FPT, VCB, VPB.

GÓC NHÌN KỸ THUẬT

- **VN-Index** kết phiên với mẫu hình nến Shooting Star, cho thấy nỗ lực bứt phá chưa thành công và chỉ số vẫn gặp khó khăn trong việc duy trì đà tăng tại vùng giá cao. Thanh khoản sụt giảm mạnh và độ rộng thu hẹp cũng hàm ý dòng tiền thận trọng. Sau diễn biến này, VN-Index khả năng quay lại củng cố thêm nền giá trong vùng 1720 - 1750 điểm. Trong bối cảnh thị trường thiếu vắng chất xúc tác, cũng như nhóm dẫn dắt rõ ràng, trạng thái đi ngang nhiều khả năng vẫn chi phối. Vùng 1760 - 1770 điểm tiếp tục là kháng cự cần chú ý, trong khi 1710 điểm là ngưỡng hỗ trợ gần.
- **Đối với HNX-Index**, chỉ số cũng thu hẹp đà tăng và trở lại khu vực tích lũy quanh 255 - 260 điểm. Đà phục hồi được xác nhận khi chỉ số vượt trên ngưỡng 262, chiều ngược lại, hỗ trợ gần hiện quanh ngưỡng 250 điểm.
- **Chiến lược:** Tỷ trọng tài khoản nên giữ ở mức trung bình và theo dõi thêm diễn biến thị trường, chỉ nên cân nhắc gia tăng vị thế khi chỉ số bứt phá thành công vùng cản. Đối với các cổ phiếu đã phục hồi tốt và đang tiến sát vùng kháng cự mạnh, NĐT có thể cân nhắc chốt lời từng phần. Trong khi đó, với NĐT có khẩu vị rủi ro cao, cơ hội giao dịch ngắn hạn vẫn có thể được tìm kiếm tại những nhóm ngành duy trì sức mạnh dòng tiền như Đầu tư công, Bất động sản và Chứng khoán.

CỔ PHIẾU KHUYẾN NGHỊ

Theo dõi thêm diễn biến thị trường

Phái sinh (trang 08)

Diễn biến thị trường từ đầu năm đến hiện tại

Chỉ số	Giá đóng cửa	% Thay đổi (%) 1D	(%) 1W	(%) 1M	Giá trị giao dịch (Tỷ VND)	% Biến động giá trị giao dịch so với 01 phiên trước	Trung bình 01 tuần	Trung bình 01 tháng	Khối lượng giao dịch (Triệu CP)	% Biến động khối lượng giao dịch so với 01 phiên trước	Trung bình 01 tuần	Trung bình 01 tháng
Theo chỉ số												
VN-Index	1,736.9	0.1%	1.3%	1.8%	11,923.4	-21.6%	-14.0%	8.3%	573.8	-19.8%	-15.6%	12.5%
HNX-Index	254.9	0.0%	-0.1%	-1.6%	501.1	-30.0%	-19.6%	-2.4%	39.4	-50.4%	-22.2%	4.1%
UPCOM-Index	121.4	0.1%	0.0%	-2.8%	272.4	-13.0%	-48.8%	-39.6%	24.7	0.0%	9.1%	-24.5%
VN30	1,844.3	0.0%	0.8%	-0.6%	6,604.9	-25.3%	-9.2%	3.4%	221.5	-20.7%	-14.5%	-1.2%
VNMID	1,841.6	-1.2%	-0.2%	1.7%	4,301.4	-23.8%	-24.4%	11.7%	246.6	-23.9%	-30.9%	10.0%
VNSML	1,204.9	-1.0%	-1.2%	-1.6%	778.4	48.7%	23.1%	26.9%	48.6	7.4%	0.6%	-2.9%
Theo ngành (VNINdex)												
Ngân hàng	598.0	-0.9%	-0.28%	-2.8%	4,341.5	-29.4%	-20.6%	-11.5%	192.7	-25.8%	-22.2%	-19.1%
Bất động sản	1,016.1	1.4%	4.68%	11.3%	1,829.5	7.3%	-15.9%	-19.2%	83.3	-11.0%	-28.1%	-30.5%
Dịch vụ tài chính	250.4	-1.6%	-1.64%	0.3%	1,428.3	-9.9%	-21.9%	-24.9%	81.6	-17.1%	-25.5%	-28.1%
Công nghiệp	221.3	-1.2%	-0.89%	-3.9%	521.5	-49.3%	-38.1%	-48.0%	21.1	-41.3%	-36.8%	-47.9%
Tài nguyên cơ bản	466.8	-0.2%	0.50%	0.8%	431.5	29.0%	-5.5%	-30.6%	28.3	33.5%	-0.8%	-22.2%
Xây dựng - Vật Liệu	150.2	-1.2%	-0.62%	-1.6%	564.5	-0.9%	-13.6%	1.3%	33.9	10.5%	-12.9%	1.2%
Thực phẩm	473.3	1.6%	0.67%	-3.1%	783.9	-40.5%	-9.5%	-13.0%	22.8	-22.8%	-0.7%	-6.7%
Bán Lẻ	1,427.6	1.2%	2.00%	0.7%	580.2	168.1%	53.8%	22.8%	9.4	176.7%	59.1%	38.1%
Công nghệ	296.9	-1.2%	-2.89%	-14.1%	340.4	-54.4%	-39.5%	-36.4%	7.7	-53.5%	-48.9%	-34.7%
Hóa chất	154.1	-0.5%	-0.42%	-6.6%	133.3	-8.6%	-18.4%	-40.5%	6.3	-12.3%	-13.8%	-33.7%
Tiện ích	718.8	-0.2%	0.71%	-0.7%	318.9	-50.1%	-25.4%	15.4%	19.8	-48.1%	-21.4%	36.7%
Dầu khí	100.7	-0.2%	-1.85%	-9.1%	183.3	-15.9%	-34.70%	-50.5%	7.5	-24.4%	-38.1%	-49.7%
Dược phẩm	370.7	0.2%	-0.80%	-4.6%	28.7	191.9%	-39.9%	-33.8%	1.2	88.1%	-33.5%	-39.5%
Bảo hiểm	99.9	-1.0%	-0.04%	-9.8%	11.2	-64.4%	-64.6%	-80.1%	0.3	-62.6%	-57.5%	-76.7%

Nguồn: FiinPro, PHS tổng hợp

Diễn biến chỉ số chứng khoán của các thị trường trong khu vực và thị trường lớn trên Thế giới

Chỉ số	Thị trường	Giá đóng cửa	% Thay đổi giá		Chỉ số định giá	
			1 ngày	YTD	P/E	P/B
VN-Index	Việt Nam	1,736.9	0.11%	-2.7%	11.5x	1.9x
SET-Index	Thái Lan	1,500	-0.36%	19.0%	10.7x	1.4x
JCI-Index	Indonesia	5,321	-0.44%	-38.5%	11.3x	0.0x
FTSE Bursa Malaysia	Malaysia	11,762	0.21%	-4.4%	14.1x	1.3x
PSEi Index	Phillipines	5,482	-2.00%	-9.4%	8.4x	1.1x
Shanghai Composite	Trung Quốc	3,603	-0.87%	-9.2%	16.7x	1.4x
Hang Seng	Hồng Kông	23,754	0.49%	-7.3%	11.9x	1.2x
Nikkei 225	Nhật Bản	59,662	-2.42%	18.5%	21.5x	2.8x
S&P 500	Mỹ	7,562	-0.40%	10.5%	25.9x	5.5x
Dow Jones	Mỹ	52,348	0.10%	8.9%	22.8x	6.1x
FTSE 100	Anh	10,936	0.30%	10.1%	15.2x	2.4x
Euro Stoxx 50	Châu Âu	6,381	-0.09%	10.2%	16.8x	2.6x
DXY		103.5	0.08%	5.3%		
USDVND		25,749	0.163%	-2.1%		

Nguồn: Bloomberg, PHS tổng hợp

Ghi chú: Chỉ số S&P 500, Dow Jones, FTSE 100 và Euro Stoxx 50 lấy giá đóng cửa hôm trước

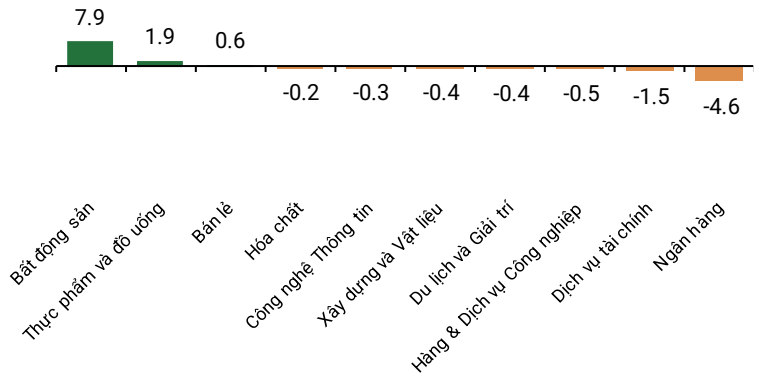
Biến động giá/ chỉ số các loại hàng hóa toàn cầu

Giá/ Chỉ số hàng hóa	% Thay đổi giá			
	1D	1M	% YTD	% YoY
Dầu Brent	-0.21%	-12.9%	57.2%	48.5%
Dầu WTI	0.12%	-12.6%	54.4%	47.6%
Khí gas	-3.7%	-0.2%	-15.6%	-31.9%
Than cốc (*)	0.0%	-2.6%	31.3%	22.7%
Thép HRC (*)	-0.2%	-2.8%	-2.8%	-3.1%
PVC (*)	1.5%	5.2%	11.3%	9.5%
Phân Urea	-2.0%	-4.1%	14.5%	10.3%
Cao su thiên nhiên	-0.3%	-2.7%	38.6%	45.0%
Bông Cotton	-1.5%	-3.0%	20.8%	24.2%
Đường	-0.5%	-12.2%	22.0%	22.4%
World Container Index	0.0%	-4.0%	94.6%	131.6%
Baltic Dirty tanker Index	-1.5%	-40.7%	239.9%	208.5%
Vàng	-0.64%	-7.3%	-10.6%	-5.5%
Bạc	-2.34%	-16.5%	-33.6%	-5.9%

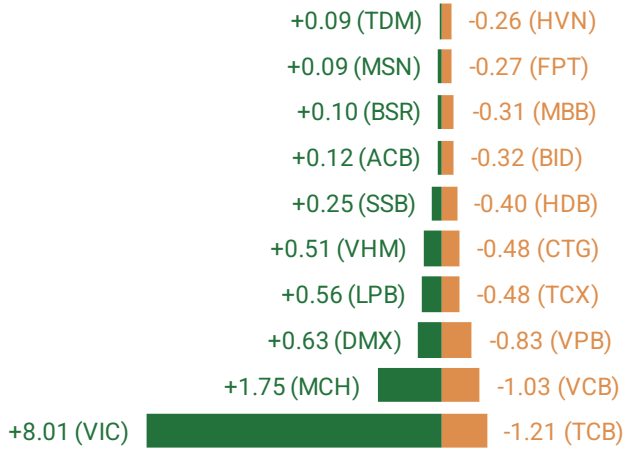
Nguồn: Bloomberg, PHS tổng hợp

Ghi chú (*) Chỉ số giá tại thị trường Trung Quốc

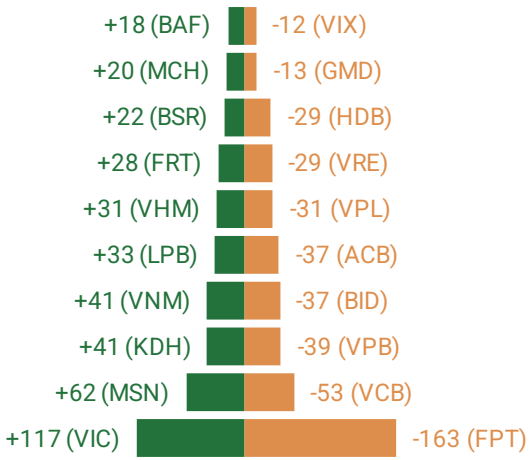
TOP NGÀNH ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO VNINDEX



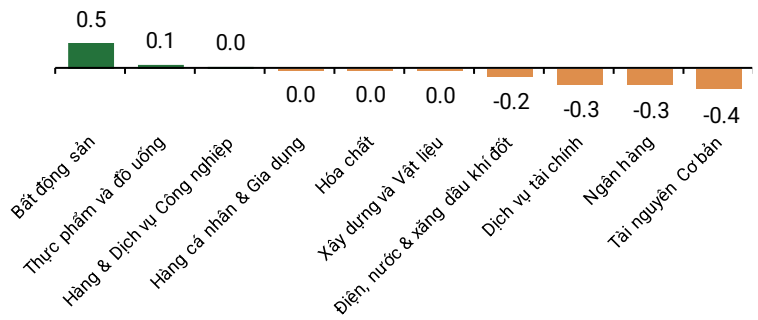
TOP CỔ PHIẾU ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO VNINDEX



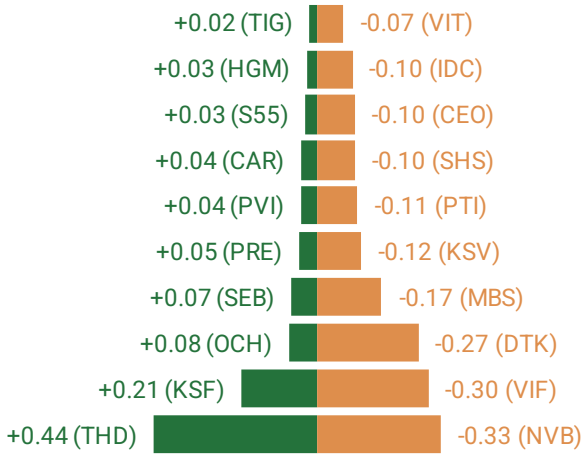
TOP CỔ PHIẾU NĐTNN GIAO DỊCH RÒNG (Tỷ VND) - VNINDEX



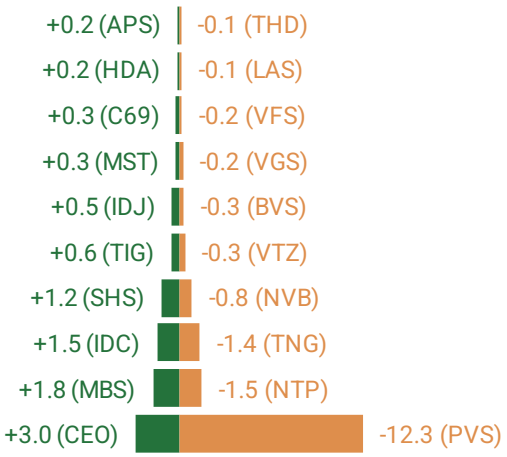
TOP NGÀNH ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO HNXINDEX



TOP CỔ PHIẾU ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO HNXINDEX



TOP CỔ PHIẾU NĐTNN GIAO DỊCH RÒNG (Tỷ VND) - HNXINDEX



TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH KHỚP LỆNH (Tỷ VND) - VNINDEX



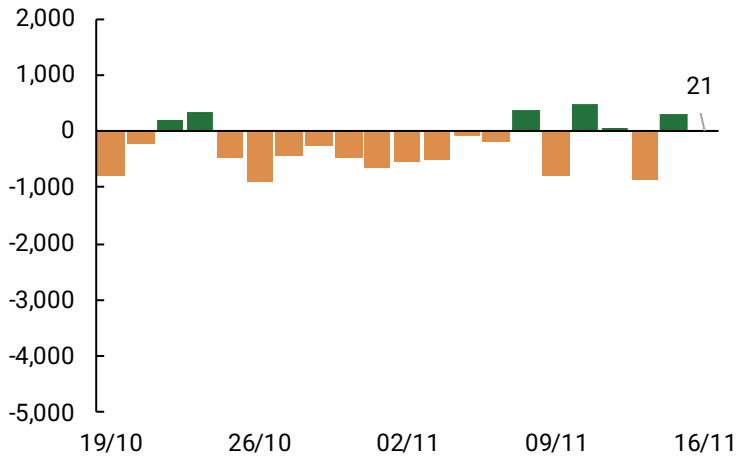
	VIC	VIX	FPT	SHB	SSI
%DoD	2.1%	-1.9%	-1.4%	-0.9%	-1.7%
Giá trị	488	349	309	304	274

TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH THỎA THUẬN (Tỷ VND) VNINDEX



	LPB	PET	SSB	SJS	POW
%DoD	2.5%	-0.3%	2.3%	0.0%	-1.5%
Giá trị	1,759	224	179	147	106

GIÁ TRỊ GD RÒNG NĐTNN TẠI VNINDEX (Tỷ VND)



TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH KHỚP LỆNH (Tỷ VND) - HNXINDEX



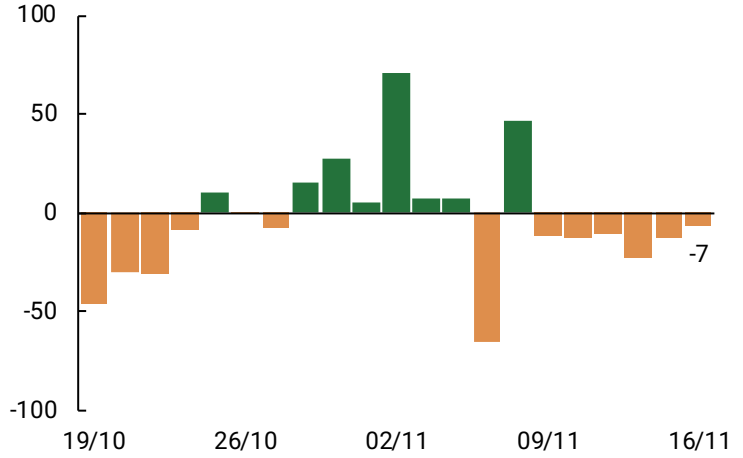
	CEO	SHS	PVS	MBS	VC3
%DoD	-2.5%	-1.5%	0.0%	-1.9%	0.4%
Giá trị	80	72	43	43	37

TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH THỎA THUẬN (Tỷ VND) HNXINDEX



	KTS	VIT	IDC	TIG	LIG
%DoD	0.0%	-6.5%	-1.1%	7.4%	3.3%
Giá trị	24	21	5	2	0

GIÁ TRỊ GD RÒNG NĐTNN TẠI HNXINDEX (Tỷ VND)





Góc nhìn kỹ thuật VNindex

- ✓ Nến Shooting Star, vol dưới mức bình quân 20 phiên.
- ✓ Hỗ trợ: 1660 l 1710.
- ✓ Kháng cự: 1760 l 1820.
- ✓ MACD, RSI cải thiện.
- ✓ Xu hướng: Phục hồi kỹ thuật trong pha điều chỉnh.

Kịch bản: Nỗ lực bứt phá chưa thành công và VN-Index tiếp tục trở lại vùng dao động ngang quanh khu vực 1720 – 1750 điểm. Trong ngắn hạn, diễn biến giằng co nhiều khả năng vẫn chi phối khi chỉ số chưa có động lực đủ mạnh để thoát khỏi vùng dao động hiện tại. Kháng cự gần hiện nằm tại ngưỡng 1760 điểm, trong khi mốc 1710 điểm đóng vai trò hỗ trợ phía dưới.



Góc nhìn kỹ thuật VN30

- ✓ Nến Gravestone Doji, vol dưới mức bình quân 20 phiên.
- ✓ Hỗ trợ: 1780 l 1830
- ✓ Kháng cự: 1870 l 1920.
- ✓ MACD, RSI cải thiện.
- ✓ Xu hướng: Phục hồi kỹ thuật trong pha điều chỉnh.
- ✓ **Kịch bản:** Trạng thái giằng co tiếp tục chi phối, khi thanh khoản ở mức thấp và VN30 vẫn vận động dưới MA20 ngày. Điều này hàm ý dòng tiền chưa phục hồi tích cực ở nhóm vốn hóa lớn. Đà phục hồi sẽ được củng cố khi chỉ số vượt được ngưỡng 1870, khi đó mục tiêu hướng tới vùng 1910. Hỗ trợ gần hiện quanh mức 1830 điểm.

Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá hành động	LN/Lỗ thực hiện	Giá mục tiêu	LN kỳ vọng	Giá cắt lỗ	Rủi ro giảm	Ghi chú

Danh mục cổ phiếu đang khuyến nghị

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Ngày cập nhật khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN kỳ vọng	Giá cắt lỗ	Rủi ro giảm	Ghi chú
1	**NAB**	Mua	12/11/2026	-	12.95	12.8 - 13	0.4%	14.2	10.1%	12.1	-6.2%	



Tín hiệu kỹ thuật

- **Hợp đồng VN30F1M** kết phiên tại 1843.0, giảm 8.0 điểm (-0.4%). Giá khởi sắc trong phiên sáng nhưng phe Short đã trở lại chi phối mạnh hơn vào phiên chiều.
- **Ở đồ thị 1 giờ,** chỉ báo MACD thu hẹp với đường tín hiệu, trong khi RSI cũng giảm về dưới ngưỡng trung bình, hàm ý áp lực điều chỉnh có phần chiếm ưu thế. Dù vậy, giá đã trở lại vùng dao động ngang quanh 1840 – 1850 điểm nên xu hướng giằng co khả năng vẫn chi phối. Đà giảm sẽ được xác nhận khi giá phá vỡ dưới ngưỡng 1840. Chiều ngược lại, kháng cự gần ở chiều hồi phục quanh 1852 – 1854.
- **Hợp đồng VN100F1M** đóng cửa tại 1761.3, giảm 3.1 điểm (-0.2%). Độ lệch basis 4.6 điểm (thấp hơn VN100 cơ sở). Khối lượng khớp lệnh tăng, đạt 11 HĐ. Hỗ trợ gần quanh khu vực 1750 điểm, trong khi kháng cự là ngưỡng 1775 điểm.

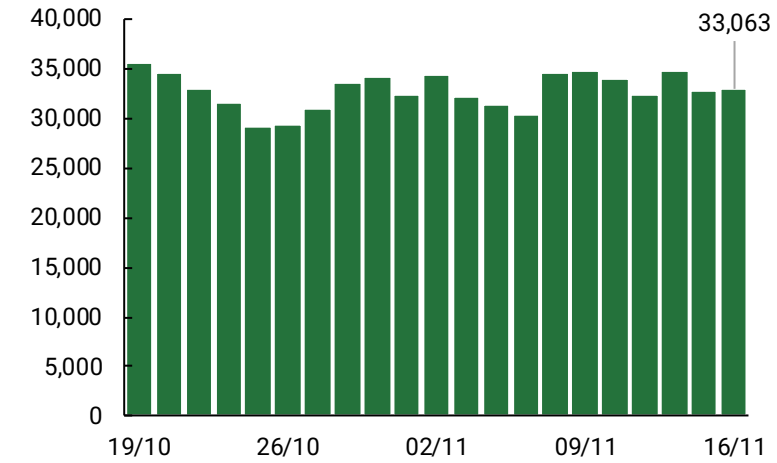
Chiến lược giao dịch trong ngày

Vị thế	Điểm vào	Chốt lời	Cắt lỗ	Lợi nhuận/Rủi ro
Short	< 1840	1825	1848	15 : 8
Short	< 1820	1805	1828	15 : 8
Long	> 1854	1868	1847	14 : 7

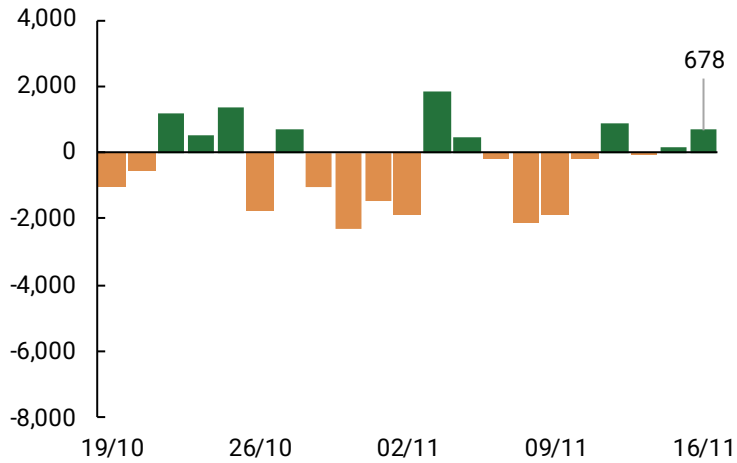
Thống kê hợp đồng tương lai

Mã hợp đồng	Giá đóng cửa	Thay đổi (điểm)	KL giao dịch	KL Mở	Giá lý thuyết	Chênh lệch	Ngày thanh toán	Thời hạn còn lại (ngày)
41I1H6000	1,843.6	-1.0	16	77	1,862.7	-19.1	17/06/2027	213
41I1H3000	1,843.0	-5.1	60	313	1,854.8	-11.8	18/03/2027	122
41I1GC000	1,837.5	-12.9	3,000	5,266	1,846.9	-9.4	17/12/2026	31
41I1GB000	1,843.0	-8.0	169,511	33,063	1,844.5	-1.5	19/11/2026	3
41I2GB000	1,761.3	-3.1	11	31	1,766.1	-4.8	19/11/2026	3

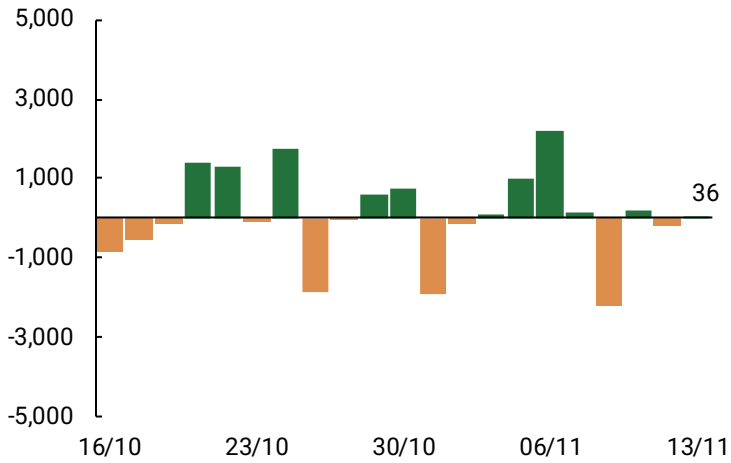
Khối lượng mở (Open interest)



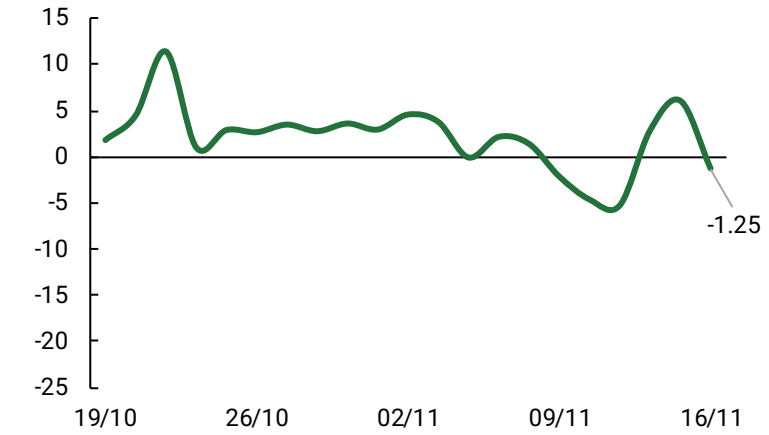
Khối lượng giao dịch ròng của khối ngoại
(Hợp đồng)



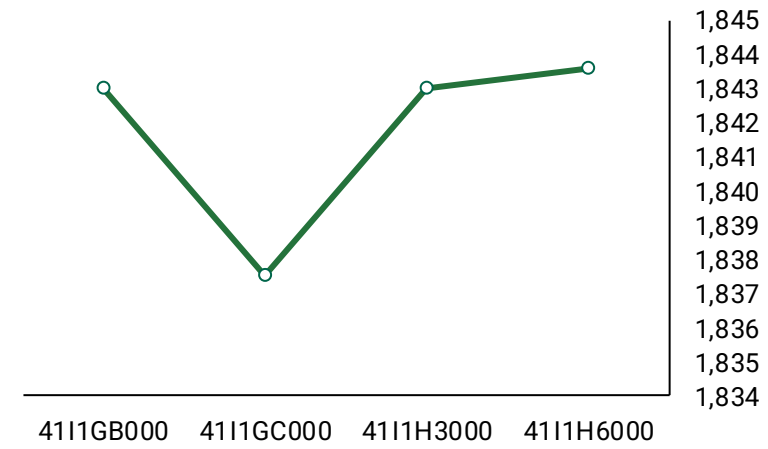
Khối lượng giao dịch ròng của tự doanh
(Hợp đồng)



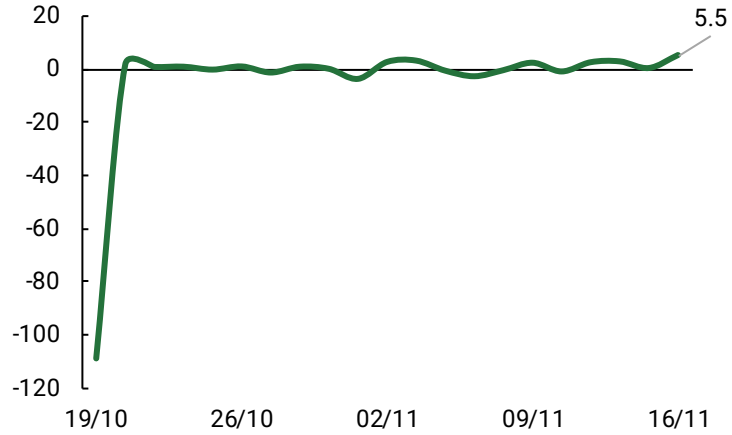
Basis hợp đồng tương lai



Đường cong hợp đồng tương lai



VN30F1M – VN30F2M



02/11	Việt Nam, Mỹ, Trung Quốc, EU – PMI
03/11	Việt Nam – Số liệu KT-XH tháng 10
04/11	Mỹ – Kết quả bầu cử giữa kỳ
06/11	Mỹ – Bảng lương phi nông nghiệp
09/11	Trung Quốc – Lạm phát, PPI
10/11	Mỹ – Chỉ số CPI
12/11	MSCI – Công bố kết quả review chỉ số
13/11	Mỹ – Chỉ số PPI
16/11	Trung Quốc – SXCN, Doanh số bán lẻ
19/11	Mỹ – Biên bản FOMC, KQKD Nvidia Việt Nam – Đáo hạn HĐTL VN30, VN100
20/11	Trung Quốc – Lãi suất LPR
25/11	Mỹ – GDP Q3 lần 2, Chỉ số PCE
30/11	Trung Quốc – PMI tháng 11 MSCI – ETF cơ cấu danh mục

THÔNG TIN VĨ MÔ

NHNN hút ròng hơn 25,200 tỷ đồng trong tuần qua, chưa mua được USD giao ngay: Tuần 9–13/11, NHNN hút ròng 25,236 tỷ đồng qua thị trường mở, tuần thứ ba liên tiếp; lãi suất qua đêm liên ngân hàng dao động 4.33–4.8%/năm. Từ ngày 11/11, NHNN mua USD giao ngay vào thứ Hai và thứ Tư hằng tuần với giá 25,500 đồng/USD, nhưng chưa ghi nhận ngân hàng nào bán do tỷ giá liên ngân hàng tăng trong hầu hết các phiên và cao hơn mức giá này.

Trung Quốc: Bán lẻ, sản xuất công nghiệp tháng 10 thấp hơn dự báo, đầu tư tiếp tục giảm sâu: Doanh số bán lẻ tháng 10 tăng 0.4% YoY, thấp hơn dự báo 0.8% và giảm tốc từ 1.1% tháng 9; sản lượng công nghiệp tăng 4.8%, dưới dự báo 5.3%. Đầu tư tài sản cố định 10 tháng giảm 8.1%, trong đó đầu tư bất động sản giảm 21.6%; giá nhà tiếp tục đi xuống.

GDP Nhật Bản quý 3/2026 bất ngờ giảm 0.1%: Theo số liệu sơ bộ ngày 16/11, GDP quý 3 giảm 0.1% theo tốc độ quy đổi cả năm, trái với dự báo tăng 0.3%, chủ yếu do nhập khẩu tăng 2.5% trong khi xuất khẩu giảm 0.2%; tiêu dùng tư nhân giảm 0.3%. BOJ giữ lãi suất 1.25% tại cuộc họp tháng 10.

THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

NVL - Novaland chuyển đổi 16 trái phiếu quốc tế thành khoảng 2.8 triệu cổ phiếu, giá chuyển đổi 34,000 đồng/cổ phiếu: Ngày 16/11, Novaland thông qua nghị quyết chuyển đổi trái phiếu cho Oclaner Asian Bond Fund (Singapore), giá chuyển đổi cao hơn 3 lần thị giá cổ phiếu NVL phiên 13/11. Từ đầu năm 2026, trái chủ quốc tế đã chuyển đổi 41 trái phiếu thành gần 7 triệu cổ phiếu. Tại 30/9, dư nợ gói trái phiếu chuyển đổi quốc tế còn 8,265 tỷ đồng; tổng dư nợ vay tài chính 72,412 tỷ đồng.

ABB - ABBank phát hành hơn 192.8 triệu cổ phiếu thưởng tỷ lệ 12%, vốn điều lệ lên gần 18,000 tỷ đồng: Theo nghị quyết HĐQT ngày 11/11, cổ đông sở hữu 100 cổ phiếu được nhận 12 cổ phiếu mới; nguồn từ lợi nhuận lũy kế chưa phân phối theo BCTC năm 2025 đã kiểm toán, tổng giá trị theo mệnh giá hơn 1,928 tỷ đồng. Đợt phát hành dự kiến thực hiện trong quý 4/2026; cổ phiếu phát hành thêm không bị hạn chế chuyển nhượng. Vốn điều lệ dự kiến tăng từ 16,068 tỷ đồng.

POW - PV Power ước LNST công ty mẹ năm 2026 gần 7,000 tỷ đồng, sản lượng điện vượt kế hoạch năm: Theo lãnh đạo công ty, đến ngày 11/11 sản lượng đạt 22.9 tỷ kWh, vượt kế hoạch năm 21.6 tỷ kWh; cả năm ước khoảng 25 tỷ kWh. LNST công ty mẹ ước gần 7,000 tỷ đồng, trong đó hơn 2,000 tỷ đồng từ các khoản hồi tố. 9 tháng, doanh thu thuần hơn 49,400 tỷ đồng (+95% YoY), lãi ròng hơn 6,400 tỷ đồng. Cụm Cà Mau đặt mục tiêu thu hồi toàn bộ khí trả trước phát sinh từ năm 2021 vào ngày 18/12.

GDA - Tôn Đông Á chốt quyền trả cổ tức năm 2025 bằng cổ phiếu tỷ lệ 10%: Ngày đăng ký cuối cùng là 27/11; công ty dự kiến phát hành 14,909,885 cổ phiếu, nâng vốn điều lệ từ 1,490.99 tỷ đồng lên 1,640.09 tỷ đồng. Trước đó, ngày 4/11, công ty đã chi hơn 149 tỷ đồng trả cổ tức năm 2025 bằng tiền tỷ lệ 10%. 9 tháng 2026, LNST đạt 216.28 tỷ đồng, hoàn thành 86.5% kế hoạch năm.

Mã CK	Thị giá	Giá hợp lý *	Upside/ Downside	Khuyến nghị
BSR	25,450	31,150	22.4%	Mua
CTD	71,800	79,600	10.9%	Tăng tỷ trọng
CTG	31,200	39,700	27.2%	Mua
DBD	44,550	56,700	27.3%	Mua
DDV	15,323	29,000	89.3%	Mua
DGW	40,800	48,300	18.4%	Tăng tỷ trọng
DHC	36,500	42,900	17.5%	Tăng tỷ trọng
DPG	31,450	42,900	36.4%	Mua
FRT	147,000	177,400	20.7%	Mua
GMD	53,300	62,600	17.4%	Tăng tỷ trọng
HAH	47,000	55,800	18.7%	Tăng tỷ trọng
HPG	21,050	28,700	36.3%	Mua
MBB	19,000	25,200	32.6%	Mua
MCH	130,000	148,500	14.2%	Tăng tỷ trọng

Mã CK	Thị giá	Giá hợp lý *	Upside/ Downside	Khuyến nghị
MWG	72,800	108,800	49.5%	Mua
NT2	23,700	24,800	4.6%	Nắm giữ
POW	12,850	15,500	20.6%	Mua
PVT	20,900	26,000	24.4%	Mua
SSI	19,850	31,200	57.2%	Mua
TCB	21,300	26,200	23.0%	Mua
TCH	13,050	14,200	8.8%	Nắm giữ
TLG	53,000	59,700	12.6%	Tăng tỷ trọng
VCB	53,200	72,100	35.5%	Mua
VPB	21,700	29,500	35.9%	Mua

** Giá hợp lý đã điều chỉnh các quyền thực hiện sau ngày báo cáo*

Đảm bảo phân tích

Báo cáo được thực hiện bởi **Lê Trần Khang, chuyên viên phân tích cao cấp – Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**. Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này

Miễn trừ trách nhiệm

Báo cáo nghiên cứu này được chuẩn bị bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS) nhằm mục đích cung cấp thông tin. Thông tin được trình bày trong báo cáo này được thu thập từ các nguồn được cho là đáng tin cậy, nhưng PHS không đảm bảo về tính chính xác hoặc đầy đủ của thông tin đó. Các quan điểm, ước tính, và dự báo trong báo cáo này phản ánh đánh giá hiện tại của tác giả tại thời điểm phát hành báo cáo và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này không phải là một lời đề nghị bán hoặc mời chào mua bất kỳ loại chứng khoán nào. Báo cáo này không nhằm mục đích cung cấp tư vấn đầu tư cá nhân và không xét đến các mục tiêu đầu tư cụ thể, tình hình tài chính, hoặc nhu cầu của bất kỳ cá nhân nào. PHS, các công ty liên kết và/hoặc các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ có thể có lợi ích hoặc vị trí trong, và có thể thực hiện các giao dịch liên quan đến chứng khoán hoặc quyền chọn được đề cập trong báo cáo này. PHS cũng có thể thực hiện hoặc tìm cách thực hiện các dịch vụ ngân hàng đầu tư hoặc các dịch vụ khác cho các công ty được đề cập trong báo cáo này. PHS, các công ty liên kết của mình, cũng như các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ, không chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào đối với bất kỳ tổn thất trực tiếp hoặc hệ quả nào phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này hoặc nội dung của nó

© Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS)
Tầng 21, Phú Mỹ Hưng Tower, 08 Hoàng Văn Thái, phường Tân Phú, quận 7, Tp.HCM
Điện thoại: (+84-28) 5 413 5479 Fax: (+84-28) 5 413 5472
Hỗ trợ khách hàng: 1900 25 23 58 Hỗ trợ đặt lệnh: (+84-28) 5 413 5488
E-mail: info@phs.vn / support@phs.vn Web: www.phs.vn

Chi nhánh Quận 1
Phòng 1003A, Tầng 10, Tòa nhà Ruby, 81-83-83B-85 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM
Điện thoại: (84-28) 3 535 6060
Fax: (84-28) 3 535 2912

Chi nhánh Quận 3
Tầng 4 , D&D Tower, 458 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 2, Quận 3, Tp. HCM
Điện thoại: (84-28) 3 820 8068
Fax: (84-28) 3 820 8206

Chi nhánh Tân Bình
Tòa nhà Park Legend, 251 Hoàng Văn Thụ, Phường 2, Quận Tân Bình, Tp.HCM
Điện thoại: (84-28) 3 813 2401
Fax: (84-28) 3 813 2415

Chi nhánh Thanh Xuân
Tầng 5 - Văn phòng C, Tòa nhà Taisei Square Hanoi - số 289 đường Khuất Duy Tiến, phường Đại Mỗ, Tp.Hà Nội.
Điện thoại: (84-24) 6 250 9999
Fax: (84-24) 6 250 6666

Chi nhánh Hải Phòng
Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, 18 Trần Hưng Đạo, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng
Điện thoại: (84-225) 384 1810
Fax: (84-225) 384 1801